

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÀNG LONG
TỈNH TRÀ VINH**

Bản án số: 44/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 13-12-2023

V/v ly hôn và tranh chấp về nuôi con

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÀNG LONG, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Ngải.

Ông Trương Thanh Nhân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Thạch Ươn – Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngoan – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 397/2023/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2023 về “*Ly hôn và tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lữ Hoàng N, sinh năm: 1985 (*Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt*).

Địa chỉ: A ấp N, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- Bị đơn: Bà Trịnh Thị T, sinh năm: 1990 (*Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt*).

Địa chỉ: thôn Q, xã V, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

- Con chung là cháu Lữ Hoàng Thiên P, sinh ngày 09-9-2016 (*Có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa*).

Địa chỉ: A ấp N, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 14-10-2023, bản tự khai ngày 22-11-2023 và đơn yêu cầu giải quyết - xét xử vắng mặt ngày 28-11-2023, nguyên đơn ông Lữ Hoàng N trình bày:

Về hôn nhân: Ông và bà Trịnh Thị T đi đến hôn nhân do tự quen nhau, được cha mẹ hai bên chấp nhận, làm lễ cưới vào năm 2015 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ vào ngày 22-4-2016. Nữ trang ngày cưới có nhưng lâu quá ông không nhớ bao nhiêu và quá trình chung sống vợ chồng đã thống nhất bán hết để sử

dụng chung nên hiện không còn. Sau ngày cưới, thời gian đầu vợ chồng chung sống có hạnh phúc. Đến khoảng năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi mọi việc trong cuộc sống hằng ngày, cuộc sống chung không còn hạnh phúc. Nên đã sống ly thân nhau từ khoảng đầu năm 2020 cho đến nay. Mặc dù ông và bà T có tạo cơ hội hàn gắn hôn nhân nhưng vẫn không thể hàn gắn được. Do tình cảm vợ chồng không còn, nên nay ông khởi kiện xin được ly hôn với bà T.

Về con chung: Ông và bà Trịnh Thị T chỉ có một người con chung là cháu Lữ Hoàng Thiên P, sinh ngày 09-9-2016. Thời gian vợ chồng ông sống ly thân thì cháu P sống chung với ông, nên khi ly hôn, ông xin được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung và nợ chung phải thu, phải trả: Ông xác định ông và bà Trịnh Thị T không có tài sản chung, không nợ chung của ai, cũng không ai nợ chung của ông và bà T, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông xác định ngoài những giấy tờ đã nộp kèm đơn khởi kiện, thì ông không nộp thêm chứng cứ mới để Tòa án xem xét. Ông cũng không thuộc diện gia đình chính sách nào.

Ông đã có văn bản cùng với bà T thống nhất lựa chọn Tòa án nhân dân huyện Càng Long (là Tòa án địa phương nơi cư trú của ông) giải quyết vụ án, vì khi sống ly thân với ông thì bà T đã về ở nhà cha mẹ ruột tại thôn Q, xã V, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Tại bản tự khai và đơn yêu cầu giải quyết - xét xử vắng mặt cùng ngày 22-11-2023, bị đơn bà Trịnh Thị T trình bày:

Bà thống nhất trình bày của ông Lữ Hoàng N về việc vợ chồng đi đến hôn nhân do tự quen nhau, cha mẹ hai bên đều chấp nhận, lễ cưới vào năm 2015, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, hiện không còn vàng nữ trang cưới. Sau ngày cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc được đến năm 2020 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm, thường hay cự cãi, vợ chồng không còn tin tưởng lẫn nhau, nên đã sống ly thân nhau từ đó cho đến nay. Ông N có liên hệ với bà để hàn gắn quan hệ vợ chồng, nhưng do tình cảm vợ chồng không còn, nên bà không đồng ý hàn gắn. Nay ông N yêu cầu ly hôn thì bà cũng đồng ý ly hôn với ông N. Về con chung: Là cháu Lữ Hoàng Thiên P, sinh ngày 09-9-2016, hiện đang sống chung với ông N, sau khi ly hôn, bà đồng ý ông N tiếp tục nuôi con, chưa yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung phải thu, phải trả: Bà thống nhất xác định bà và ông N không có tài sản chung, không có nợ chung phải thu, phải trả. Bà thống nhất với các giấy tờ ông N đã nộp kèm theo đơn khởi kiện mà Tòa án đã công khai cho bà được biết. Riêng bà không yêu cầu gì, nên không cung cấp chứng cứ gì để Tòa án xem xét, cũng không thuộc diện gia đình chính sách nào.

Bà có ký văn bản cùng với ông N đồng ý lựa chọn Tòa án nhân dân huyện Càng Long (là Tòa án địa phương nơi cư trú của ông N) giải quyết vụ án, vì bà bận nhiều công việc ở xa, không có thời gian làm hồ sơ khởi kiện gửi đến Tòa, cũng không thể trực tiếp tham gia tố tụng ở Tòa án được, nên xin vắng mặt.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 22-11-2023, cháu Lữ Hoàng Thiên P trình bày: Cha mẹ cháu là Lữ Hoàng N và Trịnh Thị T. Cháu đang học lớp 1. Hiện nay cháu đang sống chung với cha. Trường hợp cha mẹ ly hôn, thì nguyện vọng của cháu là muốn được tiếp tục sống chung với cha. Và cháu bận đi học nên xin vắng mặt không đến dự các phiên làm việc tại Tòa.

Tại phiên tòa hôm nay, ông Lữ Hoàng N và bà Trịnh Thị T cùng cháu Lữ Hoàng Thiên P yêu cầu xét xử vắng mặt, nên không có lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi Tòa thụ lý đến thời điểm này Thẩm phán đã chấp hành đúng theo Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự, đảm bảo về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp, xác định tư cách người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời gian ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát, cấp và tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng đã thực hiện đầy đủ và đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử thực hiện đầy đủ và đúng theo trình tự pháp luật quy định của phiên tòa sơ thẩm. Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa, các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của đương sự.

Về nội dung vụ án: Vị đề nghị áp dụng các Điều 19, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lữ Hoàng N: Cho ông N được ly hôn với bà Trịnh Thị T. Về con chung: Giao cháu Lữ Hoàng Thiên P, sinh ngày 09-9-2016 cho ông N tiếp tục nuôi dưỡng, phù hợp với nguyện vọng của con chung là muốn sống chung với cha; Về cấp dưỡng nuôi con: Do ông N chưa yêu cầu, nên không xem xét; Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Về tài sản chung và về nợ chung: Ông N và bà T cùng xác định không có, nên không xem xét giải quyết. Ngoài ra, V đề nghị nguyên đơn có nghĩa vụ chịu án phí hôn nhân sơ thẩm, các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân huyện Càng Long nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Ông Lữ Hoàng N có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Trịnh Thị T và yêu cầu được quyền nuôi dưỡng con chung. Nên quan hệ pháp luật của vụ án là “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con”. Đối với bà T có địa chỉ cư trú hiện nay tại thôn Q, xã V, huyện N, tỉnh Thanh Hóa, nhưng giữa bà T với ông N có văn bản đề ngày 24-10-2023 ông bà tự nguyện thỏa thuận lựa chọn Tòa án nơi cư trú của ông N là Tòa án giải quyết vụ án;

Ông N cư trú tại ấp N, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] *Về thủ tục tố tụng*: Ông Lữ Hoàng N là nguyên đơn và bà Trịnh Thị T là bị đơn trong vụ án, đã được Tòa án nhân dân huyện Càng Long triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa xét xử vụ án vào lúc 07 giờ 30 phút ngày 13-12-2023 tại trụ sở Tòa án, nhưng ông bà cùng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự theo luật định.

[3] *Về hôn nhân*: Ông Lữ Hoàng N và bà Trịnh Thị T xác lập quan hệ hôn nhân từ năm 2015 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C vào ngày 22-4-2016. Nên hôn nhân giữa ông bà là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng ông bà chung sống hạnh phúc được đến năm 2020 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, do những bất đồng quan điểm trong cuộc sống chung, thiếu sự quan tâm, chăm sóc, tin tưởng lẫn nhau, dẫn đến ông bà tự ý sống ly thân nhau từ năm này cho đến hôm nay mà không hàn gắn lại được.

[4] Tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau,...*”, nhưng ông N và bà T đã không thực hiện được các nghĩa vụ này với nhau. Hiện tại, ông bà mỗi người mỗi việc, sống ở hai nơi khác nhau, không còn quan tâm, cũng không liên hệ để hàn gắn tình cảm vợ chồng.

[5] Tòa án có thông báo mời hòa giải vào ngày 22-11-2023 để ông N, bà T có cơ hội gặp nhau trao đổi về tình trạng hôn nhân giữa hai người, nhưng bà T xin vắng mặt và có đơn yêu cầu Tòa án đưa vụ án ra xét xử mà không hòa giải đoàn tụ, nên Tòa án không tiến hành hòa giải đoàn tụ được đối với ông bà.

[6] Từ những nhận định trên, thấy rằng đời sống chung của vợ chồng ông N, bà T đang trong tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài. Do đó, yêu cầu ly hôn của ông N là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình. Nên Tòa án chấp nhận yêu cầu, cho ông N được ly hôn với bà T.

[7] *Về con chung*: Ông Lữ Hoàng N và bà Trịnh Thị T thống nhất xác định chỉ có một người con chung tên Lữ Hoàng Thiên P, sinh ngày 09-9-2016, hiện đang sống chung với ông N. Khi ly hôn, cả ông N và bà T đều thống nhất con chung ở với cha (là ông N) và không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con. Tại biên bản lấy lời khai ngày 22-11-2023, cháu P nêu nguyện vọng muốn được sống chung với cha trường hợp khi giải quyết cha mẹ ly hôn. Do đó, cần xử giao cháu P cho ông N được quyền nuôi dưỡng là phù hợp quy định pháp luật và phù hợp với nguyện vọng của con chung. Hội đồng xét xử không xem xét về vấn đề cấp dưỡng nuôi con, do đương sự không tranh chấp.

[8] *Về tài sản chung*: Tòa án đã giải thích theo quy định tại Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nhưng ông Lữ Hoàng N và bà Trịnh Thị T cùng thống nhất xác định không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[9] *Về nợ chung*: Do ông Lữ Hoàng N và bà Trịnh Thị T cùng thống nhất xác định không nợ ai, cũng không ai nợ ông bà, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[10] *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: Ông Lữ Hoàng N có nghĩa vụ nộp theo quy định pháp luật.

[11] Xét quan điểm của Vị kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 70, 144, 147, 227, 228, 238, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 19, 51, 53, 54, 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 17 Luật phí và lệ phí; Điều 27, Tiểu mục 1.1 Mục 1 Phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lữ Hoàng N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ông Lữ Hoàng N được ly hôn với bà Trịnh Thị T.

2. Về con chung: Giao con chung tên Lữ Hoàng Thiên P, sinh ngày 09-9-2016 cho ông Lữ Hoàng N tiếp tục nuôi dưỡng, phù hợp với nguyện vọng của con là muốn được sống chung với cha.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do các đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung: Ông Lữ Hoàng N và bà Trịnh Thị T thống nhất xác định không có tài sản chung, không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Ông Lữ Hoàng N và bà Trịnh Thị T thống nhất xác định không nợ ai, cũng không ai nợ ông bà, không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Ông Lữ Hoàng N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai số 0017961 ngày 24 tháng 10 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Càng Long.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã Đức Mỹ;
- Lưu: VT; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Thảo